

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

VÕ HOÀNG ĐÔNG

**ĐẢNG BỘ TỈNH AN GIANG LÃNH ĐẠO PHÁT TRIỂN
KINH TẾ NÔNG NGHIỆP TỪ NĂM 2010 ĐẾN NĂM 2020**

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
Mã số: 9229015**

HÀ NỘI - 2026

**CÔNG TRÌNH ĐƯỢC HOÀN THÀNH TẠI
HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH**

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



PGS.TS. Nguyễn Danh Tiên

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC



1. PGS.TS. Trần Thị Vui

2. TS. Trần Thị Thái



- **Phản biện 1: PGS.TS. Nguyễn Ngọc Hà**
Tạp chí Cộng sản
- **Phản biện 2: PGS.TS. Nguyễn Anh Cường**
Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, ĐHQG Hà Nội
- **Phản biện 3: PGS.TS. Trịnh Thị Hồng Hạnh**
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

**Luận án được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Học viện,
hợp tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
vào lúc 8 giờ 30 phút ngày 24 tháng 8 năm 2026**

Có thể tìm hiểu luận án tại:

Thư viện Quốc gia

Thư viện Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Kinh tế nông nghiệp (KTNN) là một bộ phận quan trọng của nền kinh tế quốc dân, bao gồm các hoạt động sản xuất và những quan hệ kinh tế gắn với quá trình tổ chức sản xuất, phân phối, trao đổi và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; chủ yếu diễn ra trong các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản và các hoạt động dịch vụ có liên quan. KTNN còn phản ánh mối quan hệ giữa các chủ thể trong khai thác nguồn lực, tổ chức sản xuất, ứng dụng khoa học công nghệ, phát triển thị trường và nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm nông nghiệp. Trong bối cảnh biến đổi khí hậu, suy giảm tài nguyên, yêu cầu bảo đảm an ninh lương thực và phát triển bền vững ngày càng cấp thiết, KTNN không chỉ đáp ứng những nhu cầu thiết yếu của xã hội mà còn góp phần quan trọng vào tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm, nâng cao đời sống dân cư và ổn định xã hội.

Đối với Việt Nam, KTNN không chỉ là ngành sản xuất truyền thống mà còn giữ vai trò nền tảng của nền kinh tế quốc dân. Đảng Cộng sản Việt Nam xác định KTNN là lĩnh vực có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng trong nền kinh tế quốc dân, giữ vai trò nền tảng trong bảo đảm an ninh lương thực, ổn định kinh tế - xã hội, cải thiện đời sống nông dân và tạo tiền đề vững chắc cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) đất nước. Qua 40 năm lãnh đạo công cuộc đổi mới, Đảng đã từng bước bổ sung, phát triển và hoàn thiện hệ thống quan điểm, chủ trương, chính sách về phát triển KTNN, nhằm phát huy tiềm năng, lợi thế của nền nông nghiệp Việt Nam, thúc đẩy KTNN phát triển theo hướng hiện đại, hiệu quả và bền vững.

An Giang là tỉnh biên giới thuộc vùng đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), có vị trí quan trọng về kinh tế, quốc phòng, an ninh và đối ngoại; đồng thời có nhiều lợi thế về đất đai, nguồn nước và truyền thống sản xuất nông nghiệp. KTNN không chỉ giữ vai trò quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, tạo việc làm và bảo đảm đời sống dân cư của tỉnh mà còn góp phần phát huy lợi thế vùng đầu nguồn và bảo đảm an ninh lương thực quốc gia. Những năm 2010-2020, KTNN tỉnh An Giang đứng trước những thời cơ và thách thức đan xen do hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, tác động ngày càng rõ nét của biến đổi khí hậu, dịch bệnh và biến động thị trường, cùng với yêu cầu tái cơ cấu nông nghiệp, đổi mới mô hình tăng trưởng và nâng cao giá trị gia tăng. Thực tiễn đó đặt ra những yêu cầu mới đối với sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh. Đảng bộ tỉnh An Giang đã đề ra và chỉ đạo thực hiện nhiều chủ trương về chuyển dịch cơ cấu KTNN, phát triển vùng sản xuất hàng hóa tập trung, đổi mới tổ chức sản xuất và liên kết, đầu tư kết cấu hạ tầng, đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, trong đó chú trọng phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Qua quá trình thực hiện,

KTNN của tỉnh đạt được nhiều kết quả quan trọng; tuy nhiên, công tác chỉ đạo và tổ chức thực hiện còn một số hạn chế, kết quả phát triển KTNN trên một số mặt chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra. Thực tiễn đó đòi hỏi phải nghiên cứu một cách hệ thống quá trình Đảng bộ tỉnh An Giang cụ thể hóa chủ trương của Đảng và lãnh đạo phát triển KTNN từ năm 2010 đến năm 2020; qua đó đánh giá ưu điểm, hạn chế, làm rõ nguyên nhân và rút ra một số kinh nghiệm có giá trị.

Mặc dù đã có nhiều công trình nghiên cứu về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và phát triển KTNN ở Việt Nam, ĐBSCL và tỉnh An Giang, song quá trình Đảng bộ tỉnh An Giang lãnh đạo phát triển KTNN từ năm 2010 đến năm 2020 vẫn chưa được làm rõ đầy đủ và có hệ thống dưới góc độ chuyên ngành Lịch sử Đảng, nhất là về chủ trương, quá trình chỉ đạo thực hiện, kết quả và kinh nghiệm lãnh đạo. Việc nghiên cứu đề tài còn có ý nghĩa thực tiễn trong bối cảnh tỉnh An Giang bước vào không gian phát triển mới sau sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. Sự mở rộng về không gian, quy mô, nguồn lực và sự đa dạng về điều kiện phát triển đặt ra những yêu cầu mới đối với sự lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội, trong đó có KTNN của Đảng bộ tỉnh. Những kinh nghiệm được rút ra từ thực tiễn Đảng bộ tỉnh An Giang lãnh đạo phát triển KTNN những năm 2010-2020, vẫn có giá trị tham khảo và có thể được kế thừa, vận dụng có chọn lọc phù hợp với điều kiện mới nhằm nâng cao hiệu quả lãnh đạo phát triển KTNN trong giai đoạn hiện nay.

Xuất phát từ những lý do trên, nghiên cứu sinh chọn đề tài ***“Đảng bộ tỉnh An Giang lãnh đạo phát triển kinh tế nông nghiệp từ năm 2010 đến năm 2020”*** làm luận án tiến sĩ chuyên ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Làm sáng tỏ quá trình Đảng bộ tỉnh An Giang lãnh đạo phát triển KTNN từ năm 2010 đến năm 2020; qua đó, luận án đúc kết một số kinh nghiệm có giá trị tham khảo nhằm nâng cao hiệu quả lãnh đạo phát triển KTNN của Đảng bộ tỉnh trong giai đoạn mới.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án.
- Nghiên cứu, làm rõ những yếu tố tác động đến quá trình Đảng bộ tỉnh An Giang lãnh đạo phát triển KTNN từ năm 2010 đến năm 2020.
- Hệ thống hóa, phân tích và làm rõ chủ trương, sự chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh An Giang về phát triển KTNN qua hai giai đoạn: 2010-2015 và 2015-2020.
- Nhận xét về những ưu điểm và hạn chế, chỉ ra nguyên nhân chủ yếu; đúc kết một số kinh nghiệm từ thực tiễn lãnh đạo phát triển KTNN của Đảng bộ tỉnh An Giang từ năm 2010 đến năm 2020.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Hoạt động lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh An Giang về phát triển KTNN từ năm 2010 đến năm 2020.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Về nội dung: Nội hàm KTNN khá rộng, luận án chỉ tập trung nghiên cứu chủ trương và sự chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh An Giang về KTNN trên các nội dung: (1) Chuyển dịch cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng CNH, HĐH; (2) Quy hoạch và xây dựng vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung; (3) Phát triển các hình thức tổ chức sản xuất, mô hình liên kết trong nông nghiệp; (4) Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, kỹ thuật phục vụ phát triển KTNN; (5) Nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học công nghệ gắn với phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Về không gian: Địa bàn tỉnh An Giang trong giai đoạn nghiên cứu, bao gồm 11 đơn vị hành chính cấp huyện: Long Xuyên, Châu Đốc, Tân Châu, Tịnh Biên, An Phú, Phú Tân, Chợ Mới, Thoại Sơn, Châu Thành, Châu Phú, Tri Tôn.

Về thời gian: Từ năm 2010 đến năm 2020, trọng tâm là hai nhiệm kỳ Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh An Giang lần thứ IX (2010-2015) và lần thứ X (2015-2020).

4. Cơ sở lý luận, phương pháp nghiên cứu và nguồn tài liệu

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; đường lối, quan điểm của Đảng về “nông nghiệp, nông dân, nông thôn” nói chung và KTNN nói riêng trong thời kỳ CNH, HĐH và hội nhập quốc tế.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử; hệ thống phương pháp luận sử học mác xít. Luận án chủ yếu sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể như: lịch sử, lôgic, phân tích, tổng hợp, thống kê, so sánh, điều tra xã hội học,...

4.3. Nguồn tài liệu

Các văn kiện của Đảng và Nhà nước về KTNN; Văn kiện các kỳ Đại hội Đảng bộ tỉnh; các nghị quyết, chương trình hành động, kế hoạch, kết luận của Tỉnh ủy An Giang về KTNN; một số Nghị quyết của Hội đồng Nhân dân tỉnh (HĐND); quyết định, kế hoạch, báo cáo,... của Ủy ban Nhân dân tỉnh (UBND) và các sở, ban, ngành tỉnh An Giang có liên quan đến KTNN.

Các công trình nghiên cứu khoa học đã công bố (sách, kỷ yếu, luận án, bài báo, tạp chí) có liên quan đề tài luận án và tư liệu khảo sát thực tế tại địa phương.

5. Những đóng góp mới của luận án

- Hệ thống hóa và khai thác tương đối đầy đủ các nguồn tư liệu về quá trình Đảng bộ tỉnh An Giang lãnh đạo phát triển KTNN từ năm 2010 đến năm 2020.

- Tái hiện có hệ thống, làm rõ chủ trương và quá trình chỉ đạo phát triển KTNN của Đảng bộ tỉnh An Giang trên những nội dung chủ yếu trong hai giai đoạn 2010-2015 và 2015-2020.

- Đưa ra những nhận xét, đánh giá về ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân; từ đó rút ra một số kinh nghiệm chủ yếu từ thực tiễn Đảng bộ tỉnh An Giang lãnh đạo phát triển KTNN từ năm 2010 đến năm 2020.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn

- Kết quả nghiên cứu góp phần làm rõ thêm lịch sử lãnh đạo phát triển KTNN của Đảng bộ tỉnh An Giang trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn; bổ sung tư liệu và luận cứ cho nghiên cứu lịch sử Đảng bộ địa phương về lĩnh vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

- Những kinh nghiệm được rút ra từ luận án có thể cung cấp cơ sở tham khảo cho Đảng bộ tỉnh An Giang trong lãnh đạo phát triển KTNN thời gian tới, phù hợp với điều kiện và không gian phát triển mới.

- Luận án có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo phục vụ nghiên cứu, giảng dạy lịch sử Đảng và lịch sử Đảng bộ địa phương.

7. Kết cấu của luận án

Kết cấu của luận án gồm: Mở đầu; nội dung (4 chương, 8 tiết); kết luận, danh mục các công trình khoa học của tác giả đã công bố có liên quan đến đề tài luận án; danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. Những công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án

1.1.1. Các công trình nghiên cứu của các tác giả nước ngoài

Stewart, M.A. and Coclanis, P.A. (eds.) (2011), *Environmental Change and Agricultural Sustainability in the Mekong Delta*; Smith, W. (2013), *Agriculture in the central Mekong Delta: opportunities for donor business engagement*; OECD (2015), *Agricultural Policies in Viet Nam 2015*; World Bank (2016), *Transforming Vietnamese agriculture: Gaining more from less*; Tarp, F. (ed.) (2017), *Growth, Structural Transformation, and Rural Change in Viet Nam: A Rising Dragon on the Move*; Petersen, E. (ed.) (2017), *Vietnam food security policy review*; ... Qua tổng quan một số công trình của học giả nước ngoài cho thấy sự quan tâm đối với vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn ở Việt Nam trong bối cảnh chuyển đổi và hội nhập quốc tế. Nhiều công trình không chỉ phân tích thực trạng mà còn gợi mở chính sách, giải pháp mang tính khả thi, góp phần đưa “tam nông” và KTNN phát triển hiệu quả hơn.

1.1.2. Những công trình nghiên cứu của các tác giả trong nước

1.1.2.1. Những công trình nghiên cứu chung về KTNN và sự lãnh đạo của Đảng đối với KTNN ở Việt Nam

Đặng Kim Sơn (2008), *Nông nghiệp, nông dân, nông thôn Việt Nam: Hôm nay và mai sau*; Nguyễn Vĩnh Thanh và Lê Sỹ Thọ (2010), *Nông nghiệp Việt Nam sau khi gia nhập WTO thời cơ và thách thức*; Phạm Ngọc Dũng (2011), *CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn từ lý luận đến thực tiễn ở Việt Nam hiện nay*; Nguyễn Ngọc Hà (2012), *Đường lối phát triển KTNN của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ đổi mới (1986-2011)*; Nguyễn Thị Tố Quyên (2012), *Nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong mô hình tăng trưởng kinh tế mới giai đoạn 2011-2020*; Đoàn Minh Huân (2022), *Đổi mới tư duy phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn - Nhìn từ sự lãnh đạo của Đảng, vai trò của hệ thống chính trị và phát huy dân chủ ở nông thôn*; Đặng Kim Oanh (2022), *Quá trình phát triển tư duy của Đảng về nông nghiệp, nông dân, nông thôn qua 35 năm thực hiện đổi mới (1986-2021)*; Lê Minh Hoan (2023), *Tiếp tục đẩy phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn nhanh và bền vững, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc trong giai đoạn mới*; ... Các công trình nghiên cứu đã tiếp cận vấn đề “tam nông” từ nhiều góc độ, góp phần làm rõ cơ sở lý luận, thực tiễn của tiến trình CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn ở Việt Nam. Kết quả nghiên cứu khẳng định vai trò quan trọng của KTNN; nghiên cứu thực trạng phát triển KTNN qua các thời kỳ; đưa ra những định hướng, giải pháp phát triển KTNN trong giai đoạn tiếp theo.

1.1.2.2. Những công trình nghiên cứu về KTNN và sự lãnh đạo của các Đảng bộ đối với KTNN ở một số vùng, địa phương

Nguyễn Thị Tố Uyên (2013), *Các Tỉnh ủy vùng đồng bằng sông Hồng lãnh đạo đẩy nhanh CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn trong giai đoạn hiện nay*; Vũ Văn Phúc (2015), *CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn vùng ĐBSCL - 30 năm đổi mới*; Vũ Quang Ánh (2017), *Thực hiện đường lối của Đảng về phát triển KTNN ở một số tỉnh, thành đồng bằng sông Hồng (1997-2010)*; Bùi Văn Nghiêm (2017), *Các Tỉnh ủy ở ĐBSCL lãnh đạo chuyển dịch cơ cấu KTNN giai đoạn hiện nay*; Vũ Trọng Hùng (2017), *Đảng bộ tỉnh Vĩnh Phúc lãnh đạo chuyển dịch cơ cấu KTNN từ năm 1997 đến năm 2010*; Đặng Thị Minh Nguyệt (2020), *Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lãnh đạo phát triển KTNN từ năm 2001 đến năm 2015*; Phạm Thị Diệu Linh (2021), *Phát triển nông nghiệp bền vững tỉnh Thanh Hóa trong điều kiện biến đổi khí hậu*; Hà Xuân Bình (2021), *Chính sách chuyển dịch cơ cấu KTNN theo hướng xuất khẩu bền vững của tỉnh Thái Bình*; Nguyễn Huy Hùng (2023), *Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lãnh đạo phát triển KTNN từ năm 2010 đến năm 2020*; ... Các công trình đã phân tích toàn diện thực trạng, kết quả đạt được và đúc kết kinh nghiệm

trong lãnh đạo phát triển KTNN ở một số Đảng bộ địa phương, đồng thời đề xuất các giải pháp, định hướng phát triển KTNN trong giai đoạn tiếp theo.

1.1.2.3. Những công trình nghiên cứu về KTNN tỉnh An Giang và sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh đối với KTNN

Đỗ Hoài Nam, Đặng Phong (2006), *Những bước đột phá của An Giang trên chặng đường đổi mới kinh tế*; Đặng Phong (2009), *Phá rào trong kinh tế vào đêm trước Đổi mới*; BCH Đảng bộ tỉnh An Giang (2010), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh An Giang, tập III, 1975-2005*; UBND tỉnh An Giang (2013), *Địa chí An Giang*; Hồ Việt Hiệp (2014), *CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn tỉnh An Giang - Thành tựu qua gần 30 năm đổi mới và bài học kinh nghiệm*; Tỉnh ủy An Giang (2015), *An Giang trên đường phát triển (1975-2015)*; Nguyễn Hữu Thịnh (2018), *Tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh An Giang để ứng phó với biến đổi khí hậu*; Nguyễn Thị Hồng Nhung (2018), *Đào tạo nghề cho lao động nông thôn - Giải pháp góp phần phát triển KTNN tỉnh An Giang*; Lê Thanh Sang (Chủ biên, 2020), *Phát triển bền vững tỉnh An Giang trong bối cảnh hội nhập*; Tỉnh ủy An Giang (2022), *Kỷ yếu Hội thảo khoa học An Giang - 190 năm hình thành và phát triển (1832-2022)*; Lê Hằng Nam, Võ Quang Minh, Ngô Quốc Kiệt (2022), *Đánh giá thực trạng thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh An Giang giai đoạn 2015-2020*; Lê Hồng Quang (2022), *Tỉnh An Giang phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới*;... Các công trình đã khái quát điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, những thuận lợi, khó khăn; bước đầu đề cập đến chủ trương, chính sách của tỉnh, quá trình thực hiện và kết quả trong lĩnh vực “tam nông” và KTNN của tỉnh An Giang thời gian qua.

1.2. Kết quả nghiên cứu của các công trình đã tổng quan và những vấn đề luận án tập trung nghiên cứu

1.2.1. Kết quả nghiên cứu của các công trình đã tổng quan

Về tư liệu: Các công trình khoa học đã công bố liên quan đến đề tài khá phong phú về thể loại, bao gồm sách, đề tài khoa học các cấp, bài viết trên tạp chí, bài báo khoa học và luận án tiến sĩ. Hệ thống công trình này cung cấp nguồn tư liệu tham khảo đa dạng về lý luận và thực tiễn, phản ánh nhiều phương diện của nông nghiệp, nông dân, nông thôn nói chung, về KTNN và sự lãnh đạo của Đảng đối với phát triển KTNN nói riêng.

Về cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu: Tiếp cận dưới nhiều góc độ các chuyên ngành khác nhau như: Triết học, Kinh tế, Chính trị học, Xây dựng Đảng, Lịch sử Đảng,... từ lý luận và tổng kết thực tiễn. Sử dụng các phương pháp như phân tích, tổng hợp, so sánh, lịch sử, logic...

Về nội dung nghiên cứu:

Thứ nhất, các công trình đã góp phần làm rõ những vấn đề chung về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và KTNN. *Thứ hai*, nhiều công trình tập trung

nghiên cứu những vấn đề lớn đặt ra đối với phát triển KTNN như chuyển dịch cơ cấu, tái cơ cấu nông nghiệp, nâng cao giá trị gia tăng, đổi mới mô hình tăng trưởng,... *Thứ ba*, một số công trình đã đi sâu nghiên cứu sự lãnh đạo của các Đảng bộ địa phương đối với CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn, chuyển dịch cơ cấu và phát triển KTNN. *Thứ tư*, các công trình nghiên cứu về An Giang đã làm rõ nhiều phương diện của quá trình phát triển kinh tế và KTNN của tỉnh.

Kết quả nghiên cứu của các công trình đã cung cấp những cứ liệu khoa học quan trọng để nghiên cứu sinh kế thừa trong quá trình viết luận án. Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu về tỉnh An Giang mới chỉ đề cập đến vấn đề phát triển KTNN một cách khái quát. Đến nay, chưa có công trình nào nghiên cứu một cách độc lập, đánh giá sâu sắc và hệ thống về quá trình Đảng bộ tỉnh An Giang lãnh đạo phát triển KTNN từ năm 2010 đến năm 2020.

1.2.2. Những vấn đề luận án tập trung nghiên cứu

Một là, những yếu tố tác động đến sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh An Giang về phát triển KTNN.

Hai là, chủ trương và sự chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh An Giang về phát triển KTNN từ năm 2010 đến năm 2020.

Ba là, nhận xét về ưu điểm, hạn chế và một số kinh nghiệm rút ra trong quá trình Đảng bộ tỉnh An Giang lãnh đạo phát triển KTNN (2010-2020).

Tiểu kết chương 1

Các công trình nghiên cứu về “nông nghiệp, nông dân, nông thôn” Việt Nam nói chung và KTNN nói riêng của các học giả trong và ngoài nước có nội dung khá toàn diện, mang tính chuyên sâu, được tiếp cận ở nhiều góc độ, chuyên ngành khác nhau, với sự đa dạng, phong phú về phương pháp nghiên cứu. Từ sự phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án, nghiên cứu sinh xác định rõ những kết quả nghiên cứu, những nội dung có thể tham khảo, kế thừa trong quá trình viết luận án. Trên cơ sở đó, phát hiện những khoảng trống, những vấn đề mới cần tiếp tục tập trung giải quyết, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo phát triển KTNN của Đảng bộ tỉnh An Giang trong giai đoạn tới.

Chương 2

CHỦ TRƯỞNG VÀ SỰ CHỈ ĐẠO CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH AN GIANG VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG NGHIỆP TỪ NĂM 2010 ĐẾN NĂM 2015

2.1. Những yếu tố tác động và chủ trương của Đảng bộ tỉnh An Giang về phát triển kinh tế nông nghiệp

2.1.1. Những yếu tố tác động đến sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh An Giang về phát triển kinh tế nông nghiệp

2.1.1.1. Tình hình thế giới, trong nước

Tình hình thế giới: Những năm 2010-2015, tình hình thế giới diễn biến phức tạp, đặt ra nhiều thách thức đối với phát triển kinh tế - xã hội của các quốc gia, trong đó có Việt Nam. Tuy nhiên, hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu hướng chung. Sự phát triển nhanh chóng của khoa học công nghệ đã trở thành yếu tố then chốt thúc đẩy chuyển đổi, nâng cao hiệu quả của KTNN.

Tình hình trong nước: Thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội (2001-2010), Việt Nam đạt nhiều thành tựu quan trọng, trong đó có KTNN. Tuy nhiên, tình hình kinh tế - xã hội nước ta vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức.

2.1.1.2. Chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước về phát triển kinh tế nông nghiệp trong những năm 2010-2015

Chủ trương của Đảng: Đại hội XI xác định phương hướng trong những năm tới là phát triển nông - lâm - ngư nghiệp toàn diện theo hướng CNH, HĐH gắn với giải quyết tốt các vấn đề nông dân, nông thôn. Mục tiêu đề ra đến năm 2015, phân đầu giá trị gia tăng nông nghiệp bình quân 5 năm đạt 2,6-3%/năm. Tỷ trọng lao động nông nghiệp năm 2015 chiếm 40-41% lao động xã hội. Thu nhập của người dân nông thôn tăng 1.8-2 lần so với năm 2010. Các nhiệm vụ, giải pháp được xác định: Thực hiện chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, phát triển các hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại trong phát triển sản xuất nông nghiệp. Tiếp tục xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật nông nghiệp, nông thôn.

Một số chính sách của Nhà nước: Nghị quyết số 26/2012/QH13 Về việc tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật đầu tư công cho nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Quyết định số 124/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển sản xuất ngành nông nghiệp đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030; Quyết định số 899/QĐ-TTg, phê duyệt Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; Quyết định số 801/QĐ-TTg, ngày 27-6-2012 phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh An Giang đến năm 2020;...

2.1.1.3. Điều kiện tự nhiên, đặc điểm kinh tế - xã hội tỉnh An Giang

Điều kiện tự nhiên: An Giang là tỉnh thuộc vùng ĐBSCL, có tọa độ địa lý từ 104°47'20" đến 105°35'10" kinh độ Đông và từ 10°20'07" đến 10°34'23" vĩ độ Bắc. Tổng diện tích tự nhiên 3.536km², hơn 80% diện tích là đất nông nghiệp. Địa hình An Giang gồm hai dạng chính: đồng bằng và đồi núi. Tỉnh có khí hậu đặc trưng nhiệt đới gió mùa, ổn định, không có bão. Tỉnh sở hữu nguồn nước ngọt dồi dào nhờ hai con sông chính là sông Tiền và sông Hậu, cùng hệ thống kênh rạch nhiều, đất phù sa chiếm diện tích lớn, thuận lợi để phát triển KTNN, là vùng sản xuất nông nghiệp trọng điểm của cả nước.

Điều kiện kinh tế - xã hội: Trong những năm 2000-2010, kinh tế của tỉnh tiếp tục tăng trưởng và có nhiều khởi sắc. Đến năm 2010, thu nhập bình quân đầu người đạt 21,183 triệu đồng, tổng kim ngạch xuất khẩu của tỉnh vượt mức 3 tỷ USD. Là tỉnh có dân số đông nhất vùng ĐBSCL, với 29 dân tộc cùng sinh sống, trong đó chủ yếu là dân tộc Kinh, Khmer, Chăm và Hoa. Là cái nôi của nhiều tôn giáo nội sinh như Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Phật giáo Hòa Hảo,...

Như vậy, vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên, kinh tế-xã hội và văn hóa truyền thống như trên đã tác động nhiều mặt đến quá trình lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh An Giang trong phát triển KTNN.

2.1.1.4. Thực trạng KTNN tỉnh An Giang đến năm 2010

Giai đoạn 2006-2010, KTNN của tỉnh tiếp tục phát triển và từng bước chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hóa gắn với nhu cầu thị trường. Tỉnh đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng giống cây trồng, vật nuôi năng suất cao và áp dụng khoa học công nghệ vào sản xuất. Nhiều chương trình và mô hình canh tác tiên tiến, sản xuất theo tiêu chuẩn GlobalGAP, VietGAP và chăn nuôi an toàn sinh học được triển khai rộng rãi, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng nông sản và bảo vệ môi trường. Chăn nuôi phát triển theo hướng trang trại, thủy sản nuôi trồng tăng nhanh. Đồng thời, tỉnh đẩy mạnh cơ giới hóa, mở rộng hệ thống thủy lợi, tăng cường tập huấn kỹ thuật cho nông dân, chú trọng đào tạo nghề và đầu tư hạ tầng nông thôn, góp phần cải thiện đời sống cư dân nông thôn. Tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 3,77%/năm.

Tuy nhiên, sự phát triển KTNN của tỉnh vẫn còn nhiều hạn chế như: Tốc độ tăng trưởng chưa ổn định, chi phí sản xuất cao nên năng lực cạnh tranh của nông sản còn thấp. Cơ cấu nội ngành chuyển dịch chậm, sản xuất vẫn phụ thuộc nhiều vào cây lúa trong khi tiềm năng rau màu và cây ăn trái chưa được khai thác hiệu quả. Hạ tầng nông thôn, đặc biệt là giao thông và thủy lợi, chưa đồng bộ; đầu tư thủy lợi còn tập trung cho sản xuất lúa. Việc ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển giao kỹ thuật chưa đồng đều giữa các lĩnh vực. Ngoài ra, nhiều hợp tác xã quy mô nhỏ, năng lực quản trị và liên kết sản xuất còn hạn chế nên hiệu quả hoạt động chưa cao.

2.1.2. Chủ trương của Đảng bộ tỉnh An Giang về phát triển kinh tế nông nghiệp (2010-2015)

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh An Giang lần thứ IX nêu quan điểm: CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn làm nền tảng phát triển kinh tế - xã hội bền vững, phát triển mạnh dịch vụ và công nghiệp phục vụ nông nghiệp; phát triển công nghiệp phục vụ tiêu dùng, du lịch và xuất khẩu. Đẩy mạnh đầu tư phát triển nhưng có trọng tâm, trọng điểm. Ưu tiên phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật, trước hết là hạ tầng giao thông, hạ tầng phục vụ nông nghiệp, nông thôn. Chỉ tiêu cụ thể đến năm 2015 về KTNN được đề ra: Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân ở khu vực nông, lâm, thủy sản tăng 3,2%; tỷ trọng khu vực nông, lâm, thủy sản chiếm

25,24% trong cơ cấu kinh tế toàn tỉnh; tỷ lệ che phủ rừng đạt 22,4%. Các nhiệm vụ, giải pháp được Đại hội xác định: phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất lớn, toàn diện theo hướng CNH, HĐH; xây dựng, hoàn chỉnh quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển nông nghiệp phù hợp với thể mạnh của từng vùng, từng địa phương; sớm tổ chức lại sản xuất với các hình thức liên kết thích hợp theo chuỗi giá trị; đẩy mạnh đầu tư phát triển cơ giới hóa, điện khí hóa, thủy lợi hóa, đồng thời tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ; triển khai có hiệu quả Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn nhằm chuyển dịch cơ cấu lao động; tập trung xây dựng và từng bước hoàn thiện kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn.

Trong quá trình lãnh đạo phát triển KTNN, Đảng bộ tỉnh tiếp tục khẳng định quan điểm, bổ sung những nhận thức mới thông qua Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 15-9-2011 “Về xây dựng nông thôn mới”; Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 27-6-2012 “Về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh An Giang giai đoạn 2012-2020, tầm nhìn đến năm 2030”; Báo cáo số 146-BC/TU ngày 17-9-2013;... Đặc biệt, ở Nghị quyết số 09-NQ/TU, Đảng bộ tỉnh xác định việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao là “khâu đột phá” trong phát triển KTNN của tỉnh.

Chủ trương của Đảng bộ tỉnh An Giang thể hiện sự chủ động, sáng tạo trong cụ thể hóa chủ trương của Trung ương, góp phần phát huy tiềm năng, lợi thế của địa phương, tạo nền tảng cho phát triển KTNN những năm 2010-2015.

2.2. Đảng bộ tỉnh An Giang chỉ đạo phát triển kinh tế nông nghiệp (2010-2015)

2.2.1. Chỉ đạo chuyển dịch cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng CNH, HĐH

Đảng bộ tỉnh chỉ đạo trọng tâm cần giảm tỷ trọng sản xuất thuần nông, tăng tỷ trọng các ngành có giá trị gia tăng cao, như chế biến nông sản và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Từng bước chuyển đổi cơ cấu cây trồng, giảm diện tích trồng lúa kém hiệu quả, mở rộng canh tác rau màu và cây ăn trái phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng và nhu cầu thị trường. Ủy ban Nhân dân tỉnh (UBND) ban hành Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 04-01-2011; Quyết định số 1404/QĐ-UBND ngày 18-8-2011 đặt mục tiêu tăng trưởng KTNN bình quân 3,2%/năm, tập trung ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả KTNN. Nhờ đó, cơ cấu nội ngành nông nghiệp của tỉnh có sự chuyển dịch tích cực theo hướng giảm dần tỷ trọng trồng trọt, tăng tỷ trọng chăn nuôi và thủy sản. Tỷ trọng trồng trọt giảm từ 68% (năm 2010) xuống 63,2% (năm 2015), giá trị sản xuất đạt 129 triệu đồng/ha (tăng 51,5%). Diện tích lúa đạt 644.000ha với năng suất trên 6,4 tấn/ha; diện tích rau màu đạt 63.000ha. Lĩnh vực thủy sản phát triển mạnh, diện tích nuôi trồng đạt 2.480ha với sản lượng 326.565 tấn, giá trị sản xuất 9.037 tỷ đồng.

2.2.2. Chỉ đạo quy hoạch, xây dựng vùng sản xuất nông nghiệp hàng hoá tập trung

Đảng bộ tỉnh chỉ đạo cần phải xây dựng, hoàn chỉnh quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển nông nghiệp phù hợp với thể mạnh của từng vùng, từng địa phương, và tính đa dạng của đất đai; hình thành những vùng chuyên canh với những sản phẩm chiến lược của tỉnh. UBND tỉnh ra Quyết định số 2163/QĐ-UBND ngày 29-11-2012 ban hành “Kế hoạch phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh An Giang giai đoạn 2012-2020 và tầm nhìn đến năm 2030”; Quyết định số 1351/QĐ-UBND ngày 25-8-2014 phê duyệt “Quy hoạch chi tiết phát triển các vùng sản xuất chuyên canh hàng hóa (lúa, rau màu, thủy sản) tỉnh An Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030”;... hình thành các vùng sản xuất tập trung theo quy hoạch như: vùng thâm canh lúa chất lượng cao, lúa đặc sản; vùng chuyên canh rau màu; vùng cây ăn trái; vùng hoa, cây cảnh; vùng nấm ăn, nấm dược liệu; vùng bảo tồn, phát triển dược liệu; vùng chăn nuôi gia súc, gia cầm; vùng nuôi trồng thủy sản công nghệ cao. Đối với các sản phẩm chủ lực, vùng sản xuất lúa hàng hóa, chất lượng cao tập trung ở Thoại Sơn, Châu Phú, Châu Thành và Phú Tân. Vùng nuôi trồng thủy sản tập trung tại Long Xuyên, Châu Thành, Châu Phú, Chợ Mới, Phú Tân và Thoại Sơn. Vùng chuyên canh rau màu tập trung tại Chợ Mới, Châu Phú, An Phú và Tân Châu.

2.2.3. Chỉ đạo phát triển các hình thức tổ chức sản xuất trong nông nghiệp

Đảng bộ tỉnh chỉ đạo: “phát triển mạnh các hình thức trang trại, gia trại, hợp tác xã, các hình thức liên doanh, liên kết hợp tác, đặc biệt liên kết giữa người sản xuất và doanh nghiệp”; “đẩy mạnh tổ chức lại sản xuất trong nông nghiệp; củng cố, đổi mới hoạt động các hợp tác xã và tổ chức hợp tác hiện có; khuyến khích phát triển các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nông nghiệp ở nông thôn”. Cùng với tổ chức sản xuất, Đảng bộ tỉnh yêu cầu cần chú trọng thúc đẩy liên kết sản xuất - tiêu thụ theo chuỗi giá trị, đặc biệt là mô hình liên kết “bốn nhà”. HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 04/2014/NQ-HĐND ngày 08-7-2014 với các chính sách ưu đãi về đất đai, đầu tư về cơ sở vật chất, đào tạo nhân lực, phát triển thị trường, áp dụng khoa học công nghệ,... UBND tỉnh ra Quyết định số 1639/QĐ-UBND, ngày 22-9-2014 ban hành “Tiêu chí cánh đồng lớn lúa, nếp tỉnh An Giang”; Quyết định số 37/2014/QĐ-UBND, ngày 10-10-2014 ban hành “Quy định chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh An Giang”;... Thực hiện chính sách liên kết trong xây dựng “cánh đồng lớn” theo Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg, ngày 25-10-2013 của Thủ tướng Chính phủ. Nhờ triển khai đồng bộ các chính sách phát triển tổ chức sản xuất và mở rộng liên kết, tỉnh đạt được nhiều kết quả quan trọng. Đến năm 2015, toàn tỉnh có 105 hợp tác xã nông nghiệp, doanh thu bình quân đạt 1,4 tỷ đồng/năm; 880 tổ

hợp tác sản xuất, dịch vụ nông nghiệp và 697 trang trại. Các chính sách khuyến khích liên kết đã thúc đẩy diện tích “cánh đồng lớn” tăng lên 40.615ha.

2.2.4. Chỉ đạo đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, kỹ thuật phục vụ phát triển kinh tế nông nghiệp

Đảng bộ tỉnh quan tâm chỉ đạo các cấp, các ngành hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp thích ứng với quy trình sản xuất tiên tiến và đẩy mạnh đầu tư phát triển cơ giới hóa, điện khí hóa, thủy lợi hóa, tập trung xây dựng và từng bước hoàn thiện kết cấu kinh tế - xã hội nông thôn. UBND tỉnh ra Quyết định số 1636/QĐ-UBND ngày 16-9-2011 nêu rõ quan điểm đẩy mạnh đầu tư phát triển nhưng có trọng tâm, trọng điểm. Ưu tiên đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật, trước hết là hạ tầng giao thông, hạ tầng phục vụ phát triển KTNN, xây dựng nông thôn mới. Bên cạnh đó, UBND tỉnh còn ban hành nhiều văn bản chỉ đạo thực hiện: Quyết định số 649/QĐ-UBND ngày 07-3-2010 ban hành “Đề án phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp phục vụ nông nghiệp, nông thôn tỉnh An Giang đến năm 2020”; Quyết định số 581/QĐ-UBND ngày 13-4-2012 phê duyệt “Danh mục dự án ưu tiên theo chương trình hỗ trợ ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh An Giang”; Quyết định số 1848/QĐ-UBND ngày 27-8-2013 phê duyệt “Kế hoạch hành động chi tiết của các ngành, lĩnh vực ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh An Giang trong khuôn khổ chương trình mục tiêu quốc gia”;... Đến năm 2015, tỉnh đã đầu tư 16.476 tỷ đồng từ ngân sách nhà nước để phát triển kết cấu hạ tầng nông thôn. Nhiều công trình giao thông được nâng cấp, mở rộng với 2.432km đường và xây mới 477 cầu. Hệ thống thủy lợi được cải thiện qua việc nạo vét, mở rộng 878 kênh, nâng cấp 1.367km đê bao và xây dựng 418 trạm bơm điện. Điện nông thôn cũng được phát triển với 14.834km đường dây và 55 trạm biến áp. Nhờ đó, cơ giới hóa sản xuất đạt cao, góp phần nâng cao năng suất và hiệu quả KTNN.

2.2.5. Chỉ đạo nghiên cứu chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất gắn với phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

Đảng bộ tỉnh chỉ đạo đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, nhất là các lĩnh vực công nghệ sinh học, công nghệ bảo quản và chế biến nông, thủy sản. UBND tỉnh ra Quyết định số 538/QĐ-UBND ngày 31-3-2011 ban hành “Chương trình hỗ trợ nghiên cứu ứng dụng, đổi mới công nghệ và chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ tỉnh An Giang giai đoạn 2011-2015”; Quyết định số 396/QĐ-UBND ngày 01-3-2013 ban hành “Kế hoạch phát triển nông nghiệp công nghệ cao từ nay đến năm 2015”; Quyết định số 2048/QĐ-UBND ngày 19-11-2012 ban hành “Quy định một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh An Giang”;... Sở Khoa học và Công nghệ, Sở NN&PTNT chủ trì, kết hợp với các

ngành chuyên môn tiến hành khảo nghiệm, tuyển chọn và du nhập giống mới có năng suất, chất lượng cao. Trong trồng trọt, tập trung phát triển lúa chất lượng cao, lúa đặc sản và tổ chức sản xuất trên cánh đồng lớn phục vụ xuất khẩu. Rau màu được quy hoạch tại 6 địa phương với nhiều loại chủ lực như cải, dưa, bầu bí, hành, khoai lang,... gắn với mô hình sản xuất đạt tiêu chuẩn VietGAP, quản lý dịch hại sinh học và quy trình an toàn. Đồng thời, trồng nấm được phát triển theo hướng công nghiệp với các loại nấm ăn, nấm dược liệu có giá trị, kết hợp tập huấn và chuyển đổi vườn tạp thành trang trại nấm công nghệ cao. Trong chăn nuôi, ưu tiên các giống có lợi thế cạnh tranh, triển khai các mô hình theo hướng khép kín, liên kết từ con giống, chế biến đến tiêu thụ, đồng thời ứng dụng xử lý chất thải hiện đại và tận dụng phụ phẩm nông nghiệp làm thức ăn. Trong thủy sản, tập trung vào cá tra với chọn lọc giống nâng tốc độ tăng trưởng, cải thiện chất lượng phi lê và hoàn thiện quy trình đạt tiêu chuẩn. Đẩy mạnh tập huấn kỹ thuật nuôi cho nông dân nhằm đa dạng hóa đối tượng nuôi, nâng hiệu quả và chất lượng đáp ứng thị trường.

Tiểu kết chương 2

Trong những năm 2010-2015, Đảng bộ tỉnh An Giang đã đánh giá sâu sắc những tác động của tình hình thế giới và trong nước; điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và thực trạng phát triển KTNN của tỉnh trước năm 2010. Từ đó, Đảng bộ tỉnh đề ra chủ trương đưa KTNN của tỉnh tiếp tục phát triển toàn diện theo hướng sản xuất hàng hóa, xác định các mục tiêu và nhiệm vụ, giải pháp thực hiện.

Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã kịp thời chỉ đạo các cấp, các ngành, các địa phương tập trung thực hiện tốt công tác quy hoạch, xây dựng các vùng sản xuất hàng hóa tập trung; chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi có hiệu quả để chuyển dịch cơ cấu nội ngành theo hướng CNH, HĐH; đổi mới các hình thức tổ chức sản xuất, ban hành chính sách liên kết, thu hút đầu vào KTNN; nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, đặc biệt là công nghệ cao; xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ cho phát triển KTNN. Nhờ vậy, KTNN của tỉnh đã đạt được nhiều kết quả tốt, tuy nhiên, quá trình tổ chức thực hiện vẫn còn những hạn chế nhất định. Từ đó đặt ra yêu cầu mới, đòi hỏi Đảng bộ tỉnh An Giang phải tiếp tục điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp để lãnh đạo phát triển KTNN có hiệu quả hơn trong giai đoạn tiếp theo.

Chương 3

ĐẢNG BỘ TỈNH AN GIANG LÃNH ĐẠO ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG NGHIỆP TỪ NĂM 2015 ĐẾN NĂM 2020

3.1. Những yếu tố mới tác động và chủ trương của Đảng bộ tỉnh An Giang về đẩy mạnh phát triển kinh tế nông nghiệp

3.1.1. Những yếu tố mới tác động đến sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh An Giang về đẩy mạnh phát triển kinh tế nông nghiệp

3.1.1.1. Tình hình thế giới, trong nước

Tình hình thế giới: Trong những năm 2010-2020, tình hình thế giới xuất hiện những yếu tố mới. Xu thế lớn vẫn là “hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, hợp tác và phát triển”, nhưng diễn biến phức tạp, khó đoán định hơn. Cục diện chính trị và an ninh toàn cầu biến động nhanh chóng, phức tạp và khó lường. Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung, biến đổi khí hậu, đại dịch Covid-19,... ảnh hưởng đến sự phát triển KTNN.

Tình hình trong nước: Sau 30 năm đổi mới, sức mạnh tổng hợp của đất nước tăng lên, uy tín quốc tế của đất nước ngày càng được nâng cao, nhưng vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức. KTNN đạt được nhiều kết quả tích cực, giá trị gia tăng tăng bình quân 3%/năm, tập trung tái cơ cấu nông nghiệp, đa dạng cây trồng và vật nuôi, xây dựng các vùng sản xuất hàng hóa quy mô lớn, nhiều mô hình liên kết,... Tuy nhiên, KTNN vẫn phải đối mặt với nhiều thách thức.

3.1.1.2. Yêu cầu phát triển KT-XH của tỉnh An Giang trong giai đoạn mới

Tỉnh thuộc vùng kinh tế trọng điểm ĐBSCL, được hưởng nhiều cơ chế, chính sách phát triển và đầu tư hạ tầng giao thông quan trọng, góp phần thúc đẩy liên kết vùng và tăng trưởng kinh tế. Với vị trí giáp Campuchia và hệ thống cửa khẩu đa dạng, tỉnh có lợi thế phát triển thương mại biên mậu và giao thương quốc tế. Đồng thời, tỉnh có tiềm năng lớn về KTNN, đặc biệt là sản xuất lúa và cá tra. Tuy nhiên, tỉnh đối mặt nhiều khó khăn như tăng trưởng chững lại, hạ tầng chưa đồng bộ, di dân cao và tác động của biến đổi khí hậu.

Những yếu tố mới của tình hình thế giới, trong nước và tỉnh An Giang có cả thuận lợi, thời cơ và khó khăn, thách thức đan xen; đặt ra yêu cầu, nhiệm vụ mới trong phát triển KTNN.

3.1.1.3. Chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về phát triển KTNN trong những năm 2015-2020

Chủ trương của Đảng: Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng xác định một trong sáu nhiệm vụ trọng tâm là: “Đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước, chú trọng CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới”. Trên cơ sở đó, Đại hội xác định nhiệm vụ, giải pháp phát triển KTNN trong 5 năm (2016-2020), trong đó đẩy mạnh cơ cấu lại nông nghiệp theo hướng xây dựng nền nông nghiệp công nghệ cao, hàng hóa lớn; tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ, nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh; bảo đảm phát triển bền vững, an ninh lương thực quốc gia và vệ sinh an toàn thực phẩm. Tổ chức lại sản xuất, tăng cường liên kết theo chuỗi giá trị. Gắn sản xuất với chế biến, tiêu thụ nông sản trên cơ sở phát triển các hình thức hợp tác, liên kết đa dạng. Ngày 07-8-2019, Bộ Chính trị ban hành Kết luận số 54-KL/TW về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X “Về nông nghiệp, nông dân, nông thôn” khẳng định

“nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược lâu dài và là nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước ta”.

Một số chính sách của Nhà nước: Quốc hội ban hành Nghị quyết số 24/2016/QH14, ngày 08-11-2016 “Về kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2016-2020”, trong đó xác định cơ cấu lại mạnh mẽ ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới có hiệu quả, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng, phù hợp với tình hình biến đổi khí hậu,...; Ngày 23-11-2016, Nghị quyết số 32/2016/QH14 ngày 23-11-2016 “Về tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với cơ cấu lại ngành Nông nghiệp”;...

Chính phủ ban hành nhiều văn bản quan trọng để định hướng, triển khai thực hiện như: Quyết định số 1684/QĐ-TTg, ngày 30-9-2015 phê duyệt “Chiến lược hội nhập kinh tế quốc tế ngành NN&PTNT đến năm 2030”; Chỉ thị số 26/CT-TTg, ngày 06-10-2015 về “Đẩy mạnh thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững”; Quyết định số 923/QĐ-TTg, ngày 28-6-2017 phê duyệt “Chương trình mục tiêu tái cơ cấu KTNN và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư”; Quyết định số 1819/QĐ-TTg, ngày 16-11-2017 phê duyệt “Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2017-2020”;...

3.1.2. Chủ trương của Đảng bộ tỉnh An Giang về đẩy mạnh phát triển kinh tế nông nghiệp (2015-2020)

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ X, nhiệm kỳ 2015-2020 khẳng định: An Giang là tỉnh nông nghiệp và có thế mạnh về thương mại, do đó, nguồn lực đầu tư để phát triển kinh tế được xác định theo thứ tự ưu tiên: nông nghiệp, thương mại - dịch vụ, công nghiệp - xây dựng. Trong đó, “đầu tư và ứng dụng mạnh mẽ khoa học công nghệ nhằm đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế. Tập trung cho lĩnh vực nông nghiệp và công nghiệp chế biến” là một trong 3 khâu đột phá của nhiệm kỳ. Đại hội đề ra những giải pháp cơ bản về đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, hiệu quả, năng lực cạnh tranh gắn với cơ cấu lại nông nghiệp; đẩy nhanh tiến độ xây dựng nông thôn mới.

Tỉnh ủy ban hành các chủ trương có liên quan đến phát triển KTNN trong nhiệm kỳ như: Chương trình hành động 04-CTr/TU ngày 18-7-2016 “Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020”; Chương trình hành động số 08-CTr/TU ngày 11-11-2016 “Về phát triển nông nghiệp giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2025”; Chương trình hành động số 12-CTr/TU ngày 10-02-2017 “Về một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế tỉnh An Giang giai đoạn 2016-2020”;... Đặc biệt, trong Chương trình hành động số 08-CTr/TU Tỉnh ủy nêu rõ

quan điểm: “Phát triển nông nghiệp phải đặt trong tổng thể nền kinh tế, đồng bộ với phát triển công nghiệp, thương mại - dịch vụ. Phát triển sản xuất theo chiều sâu, nâng cao giá trị trên một đơn vị diện tích đất sản xuất; sản xuất phải gắn với nhu cầu thị trường và phải tăng thu nhập người nông dân”.

Như vậy, giai đoạn 2015-2020, chủ trương của Đảng bộ tỉnh An Giang về phát triển KTNN có bước phát triển, được kế thừa, bổ sung, phát triển để phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ mới và thực tiễn địa phương.

3.2. Đảng bộ tỉnh An Giang chỉ đạo đẩy mạnh phát triển kinh tế nông nghiệp (2015-2020)

3.2.1. Chỉ đạo chuyển dịch cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng hiện đại gắn với tái cơ cấu nông nghiệp

Đảng bộ tỉnh chỉ đạo: “Tập trung 03 nhóm sản phẩm chiến lược của tỉnh là gạo, cá và rau màu, trong đó cấu trúc lại cây lúa, con cá để thích ứng với thị trường”; “Từng bước chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ chiều rộng sang chiều sâu; giữ vững mức tăng trưởng nông nghiệp hợp lý qua từng năm trong giai đoạn 2016-2020, tạo đà tăng trưởng cao cho giai đoạn tiếp theo”. HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 08/2015/NQ-HĐND ngày 10-12-2015, trong đó nêu rõ thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới; thúc đẩy nhanh quá trình liên kết và mở rộng diện tích sản xuất theo mô hình cánh đồng lớn; chủ động xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm, tập trung ưu tiên cho 5 sản phẩm tái cơ cấu. UBND tỉnh ban hành: Quyết định số 929/QĐ-UBND ngày 02-6-2015 phê duyệt “Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh An Giang đến năm 2020”; Quyết định số 1004/QĐ-UBND ngày 11-4-2016 phê duyệt “Chương trình nghiên cứu chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi và phát triển nông nghiệp bền vững tỉnh An Giang giai đoạn 2016-2020”; Quyết định số 1469/QĐ-UBND ngày 15-5-2017 “Kế hoạch chuyển đổi từ trồng lúa sang trồng bắp theo Quyết định số 915/QĐ-TTg ngày 27-5-2016 của Thủ tướng Chính phủ”; Quyết định số 3410/QĐ-UBND ngày 14-11-2017 “Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ đất trồng lúa sang đất rau, màu và cây ăn trái giai đoạn 2017-2020”;...

Đến năm 2020, tỷ trọng trồng trọt giảm còn 65,55%, thủy sản tăng lên 22,27%. Chuyển đổi 22.554ha đất lúa kém hiệu quả sang rau màu, cây ăn trái mang lại giá trị kinh tế cao. Giá trị sản xuất bình quân đạt 192 triệu đồng/ha, diện tích lúa 637.000ha, sản lượng 4 triệu tấn, đưa An Giang đứng thứ hai cả nước về diện tích và sản lượng lúa. Ngoài ra, tỉnh từng bước thúc đẩy gắn kết phát triển KTNN với kinh tế du lịch như một hướng đi phù hợp điều kiện sông nước, miệt vườn và chuyển dịch kinh tế theo hướng đa giá trị.

3.2.2. Chỉ đạo phát triển vùng sản xuất nông nghiệp hàng hoá tập trung

Đảng bộ tỉnh chỉ đạo tiếp tục thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch ngành, quy hoạch nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; khai thác hiệu quả

quy chế thí điểm liên kết phát triển kinh tế - xã hội vùng ĐBSCL giai đoạn 2016-2020. Phát triển mô hình OCOP nông nghiệp đặc trưng, gắn với xây dựng và quảng bá thương hiệu, đồng thời kết hợp khai thác tiềm năng du lịch và phân phối sản phẩm qua hệ thống siêu thị trong và ngoài nước. UBND tỉnh ban hành Quyết định số 945/QĐ-UBND ngày 05-4-2016 phê duyệt “Kế hoạch xây dựng cánh đồng lớn lúa, nếp tỉnh An Giang giai đoạn 2016-2025”; Quyết định số 2440/QĐ-UBND ngày 11-8-2017 phê duyệt đề tài “Nghiên cứu xây dựng mô hình cánh đồng lớn theo phương châm 4H”; Quyết định số 2281/QĐ-UBND ngày 28-7-2017 phê duyệt “Quy hoạch chi tiết nuôi, chế biến cá tra trên địa bàn tỉnh An Giang đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030”; Quyết định số 2607/QĐ-UBND ngày 30-8-2017 phê duyệt “Dự án phát triển chăn nuôi gia cầm ứng dụng công nghệ cao, đảm bảo vệ sinh môi trường tỉnh An Giang giai đoạn 2017-2020”; Quyết định số 3115/QĐ-UBND ngày 20-10-2017 phê duyệt “Kế hoạch phát triển thủy sản bền vững tỉnh An Giang giai đoạn từ nay đến năm 2020, định hướng đến năm 2025”;...

Nhờ đó, những năm 2015-2020, tỉnh đã hình thành và phát triển thêm nhiều vùng chuyên canh quy mô lớn với nhiều hình thức khác nhau đối với các sản phẩm chủ lực bên cạnh các vùng chuyên canh ở các địa phương.

3.2.3. Chỉ đạo đẩy mạnh phát triển các hình thức tổ chức sản xuất gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp

Đảng bộ tỉnh chỉ đạo “khuyến khích thành lập các doanh nghiệp nông nghiệp, các trang trại, các loại hình kinh tế hợp tác, tổ hợp tác nông nghiệp - công nghiệp - dịch vụ công nghệ cao” và “hoàn thiện, phát triển các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị (chiều dọc và ngang) để có mối liên kết bền vững”. Đồng thời, cần “vận dụng có hiệu quả các chính sách hỗ trợ đầu tư của Trung ương, của tỉnh phù hợp với nhu cầu thực tiễn; rà soát, đề xuất Trung ương về cơ chế đặc thù nhằm thu hút mạnh các doanh nghiệp đầu tư”. UBND tỉnh ban hành các chính sách nhằm tạo điều kiện hỗ trợ để phát triển kinh tế tập thể, chuỗi liên kết: Quyết định số 1145/QĐ-UBND ngày 24-6-2015 phê duyệt “Kế hoạch phát triển kinh tế tập thể 5 năm giai đoạn 2016-2020 của tỉnh An Giang”; Chương trình hành động số 251/CTr-UBND ngày 27-5-2016 “Thực hiện Đề án thí điểm hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới vùng ĐBSCL tại An Giang giai đoạn 2016-2020”; Quyết định số 12/2016/QĐ-UBND ngày 02-3-2016 “Quy định mức chi hỗ trợ đối với chính sách khuyến khích phát triển, hợp tác, liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn”; Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 22-7-2019 “Quy định thực hiện chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh An Giang”;...

3.2.4. Chỉ đạo tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, kỹ thuật phục vụ phát triển kinh tế nông nghiệp

Đảng bộ tỉnh chỉ đạo huy động nguồn lực xây dựng kết cấu hạ tầng sản xuất nông nghiệp theo quy hoạch; đầu tư hạ tầng giao thông có trọng tâm, đồng bộ liên kết vùng, miền, khu vực biên giới, vùng khó khăn và kết hợp xây dựng nông thôn mới và xây dựng kết cấu hạ tầng sản xuất nông nghiệp phục vụ việc cấu trúc lại, ứng dụng công nghệ cao và thích ứng với biến đổi khí hậu. UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1011/QĐ-UBND ngày 10-6-2015 phê duyệt “Danh mục dự án kêu gọi đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2015-2020 theo Nghị định 210/2013/NĐ-CP của Chính phủ”; Đề án số 426/ĐA-UBND ngày 19-7-2017 “Xã hội hóa đầu tư xây dựng cầu nông thôn trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2016-2020”; Quyết định số 186/QĐ-UBND ngày 26-01-2018 phê duyệt “Dự án hỗ trợ cơ giới hóa, tự động hóa trong sản xuất thủy sản tỉnh An Giang đến giai đoạn 2018-2020”; Quyết định số 44/2018/QĐ-UBND ngày 14-11-2018 ban hành “Quy định về quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh An Giang”;...

Nhờ đó, trong những năm 2015-2020, tỉnh tập trung thu hút, kêu gọi đầu tư vào nhiều dự án trọng điểm nhằm thúc đẩy phát triển KTNN và xây dựng nông thôn mới. Hạ tầng thủy lợi cơ bản giúp kiểm soát lũ, cải thiện sinh kế nông dân, đa dạng hóa mô hình sản xuất, góp phần nâng cao năng suất và thích ứng biến đổi khí hậu. Về cơ giới hóa nông nghiệp, đảm bảo khâu làm đất đạt 100%; 98% diện tích canh tác được tưới tiêu bằng máy động lực; đáp ứng 98% diện tích thu hoạch bằng máy; 75% sản lượng lúa được làm khô bằng lò sấy;...

3.2.5. Chỉ đạo đẩy mạnh nghiên cứu chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất gắn với phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

Đảng bộ tỉnh xác định: “Ưu tiên ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ bảo quản và chế biến sau thu hoạch. Tăng hàm lượng khoa học công nghệ trong các sản phẩm chủ lực của tỉnh, tạo nhiều sản phẩm mới, sản phẩm có giá trị gia tăng cao”; “Tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất để nâng cao mức đóng góp của năng suất các yếu tố tổng hợp vào tăng trưởng nông nghiệp”. UBND tỉnh ban hành Quyết định số 110/QĐ-UBND, ngày 20-01-2015 phê duyệt “Đề án đẩy mạnh xã hội hóa, phát triển hoạt động khuyến nông, khuyến ngư phục vụ phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao”; Quyết định số 282/QĐ-UBND ngày 01-02-2016 ban hành “Chương trình khoa học và công nghệ về phát triển công nghệ sinh học trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2016-2020”; Quyết định số 567/QĐ-UBND ngày 10-3-2016 ban hành “Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2016-2020”; Quyết định số

71/2019/QĐ-UBND ngày 23-12-2019 ban hành “Quy định hỗ trợ thúc đẩy hoạt động chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh An Giang”;...

Nhờ đó, việc đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, đặc biệt là công nghệ sinh học và công nghệ cao, đã tạo chuyển biến rõ rệt cho KTNN của tỉnh trong những năm 2015-2020. Nhiều giống cây trồng, vật nuôi và quy trình mới được nghiên cứu, như các giống lúa Móng Chim, AS-R05, AS-R06 với năng suất khoảng 3,5 tấn/ha, có khả năng chống sâu bệnh tốt. Công nghệ biofloc giúp nuôi cá rô phi, cá điêu hồng đạt năng suất 20 tấn/ha. Đồng thời, nhiều mô hình và tiêu chuẩn sản xuất tiên tiến được áp dụng rộng rãi, mở rộng diện tích sản xuất đạt chuẩn và nâng cao chất lượng, giá trị nông sản của địa phương.

Tiểu kết chương 3

Trong những năm 2015-2020, trên cơ sở những thành tựu đạt được trước đó và trước yêu cầu mới của bối cảnh trong nước, khu vực và quốc tế, Đảng bộ tỉnh An Giang đã định hướng phát triển KTNN gắn với tái cơ cấu ngành và chương trình xây dựng nông thôn mới, tập trung nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của nông sản. Tỉnh chú trọng quy hoạch và điều chỉnh các vùng sản xuất tập trung, ưu tiên phát triển ba sản phẩm chủ lực là lúa gạo, rau màu, cá tra và hai sản phẩm tiềm năng là bò, nấm; đồng thời đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao, đổi mới tổ chức sản xuất, phát triển liên kết chuỗi giá trị và đầu tư hạ tầng phục vụ nông nghiệp, nông thôn. Nhờ đó, KTNN của tỉnh đạt nhiều kết quả tích cực. Tuy vậy, sản xuất vẫn còn manh mún, liên kết chuỗi và thương hiệu nông sản chưa mạnh, việc ứng dụng khoa học công nghệ và đầu tư hạ tầng còn hạn chế, đòi hỏi Đảng bộ tỉnh tiếp tục có giải pháp phát triển bền vững hơn.

Chương 4

NHẬN XÉT VÀ MỘT SỐ KINH NGHIỆM

4.1. Nhận xét sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh An Giang về phát triển kinh tế nông nghiệp từ năm 2010 đến năm 2020

4.1.1. Ưu điểm và nguyên nhân

4.1.1.1. Ưu điểm

Thứ nhất, Đảng bộ tỉnh xác định đúng vị trí trọng yếu của KTNN, đề ra chủ trương phù hợp với tiềm năng, lợi thế và yêu cầu phát triển của tỉnh.

Thứ hai, Đảng bộ tỉnh đã tập trung chỉ đạo triển khai đồng bộ, có kế hoạch, trong đó ưu tiên cho những sản phẩm có lợi thế của địa phương như: lúa gạo, thủy sản, rau màu.

Thứ ba, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, KTNN đạt được nhiều thành tựu quan trọng, từng bước phát triển mạnh mẽ, toàn diện theo hướng bền vững.

4.1.1.2. Nguyên nhân của ưu điểm

Thứ nhất, đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn ngày càng được bổ sung, hoàn thiện, tạo cơ sở chính trị, pháp lý quan trọng cho phát triển KTNN ở các địa phương.

Thứ hai, Đảng bộ tỉnh đã chủ động vận dụng đường lối, chủ trương của Đảng vào điều kiện cụ thể của địa phương, từng bước xác định đúng vị trí, tiềm năng và lợi thế của KTNN trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Thứ ba, công tác cụ thể hóa và tổ chức thực hiện chủ trương có sự tham gia, phối hợp của các cấp ủy, chính quyền, cơ quan chuyên môn và các tổ chức chính trị - xã hội.

Thứ tư, sự năng động, kinh nghiệm sản xuất và khả năng thích ứng của nông dân An Giang là một trong những nhân tố trực tiếp góp phần đưa các chủ trương, chính sách phát triển KTNN vào cuộc sống.

4.1.2. Hạn chế và nguyên nhân

4.1.2.1. Hạn chế

Một là, việc cụ thể hóa một số chủ trương phát triển KTNN thành chương trình, đề án và cơ chế, chính sách có thời điểm chưa thật kịp thời, một số nội dung chưa theo kịp yêu cầu thực tiễn.

Hai là, việc chỉ đạo tổ chức thực hiện một số chủ trương phát triển KTNN chưa tạo được chuyển biến tương xứng với mục tiêu đề ra và tiềm năng, thế mạnh của tỉnh.

Ba là, công tác chỉ đạo, phối hợp và tháo gỡ một số vấn đề trong quá trình tổ chức thực hiện phát triển KTNN có lúc chưa kịp thời, thiếu đồng bộ.

4.1.2.2. Nguyên nhân của hạn chế

Thứ nhất, quá trình lãnh đạo phát triển KTNN của Đảng bộ tỉnh An Giang trong những năm 2010-2020 chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố khách quan phức tạp, khó dự báo.

Thứ hai, năng lực nắm bắt thực tiễn, dự báo, tham mưu, chỉ đạo và tổ chức thực hiện chủ trương ở một số cấp, ngành, địa phương có mặt chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu phát triển KTNN trong điều kiện mới.

Thứ ba, cơ chế, nguồn lực và các điều kiện bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện các chủ trương phát triển KTNN còn những hạn chế nhất định.

4.2. Một số kinh nghiệm của Đảng bộ tỉnh An Giang trong lãnh đạo phát triển kinh tế nông nghiệp từ năm 2010 đến năm 2020

4.2.1. Quán triệt chủ trương của Trung ương, bám sát thực tiễn, vận dụng linh hoạt để đề ra chủ trương phát triển KTNN phù hợp với lợi thế địa phương

Đảng bộ tỉnh luôn quán triệt sâu sắc chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, đánh giá đúng tiềm năng, thế mạnh chung của tỉnh, từ đó đề ra chủ trương lãnh đạo phát triển KTNN phù hợp. Nhờ định hướng đúng đắn, tỉnh đã khai thác

tốt tiềm năng, hình thành các vùng sản xuất chuyên canh quy mô lớn gắn với ba sản phẩm chủ lực là lúa gạo, thủy sản và rau màu. Mô hình “cánh đồng lớn” được triển khai hiệu quả, góp phần thúc đẩy sản xuất nông nghiệp hàng hóa, đồng thời củng cố niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh.

Để tiếp tục phát huy kinh nghiệm này trong lãnh đạo phát triển KTNN thời gian tới, Đảng bộ tỉnh cần kịp thời quán triệt và triển khai hiệu quả các chủ trương, chính sách của Trung ương. Các cấp ủy, chính quyền cần nhanh chóng cụ thể hóa bằng nghị quyết, chương trình và kế hoạch hành động phù hợp với thực tiễn địa phương, đồng thời tăng cường giám sát, kiểm tra nhằm tháo gỡ khó khăn và điều chỉnh giải pháp kịp thời. Bên cạnh đó, cần chú trọng xây dựng các cơ chế, chính sách mang tính đột phá và đẩy mạnh công tác tuyên truyền.

4.2.2. Tập trung đầu tư có trọng điểm cơ sở vật chất - kỹ thuật, kết cấu hạ tầng, đồng thời chủ động ứng dụng tiên bộ khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp

Trong những năm 2010-2020, Đảng bộ tỉnh tập trung lãnh đạo, chỉ đạo huy động các nguồn lực đầu tư phát triển cơ sở vật chất - kỹ thuật và kết cấu hạ tầng theo hướng có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên các công trình trực tiếp phục vụ sản xuất và đời sống như hệ thống thủy lợi, giao thông nông thôn, điện phục vụ sản xuất, cơ sở chế biến và bảo quản nông sản, tránh đầu tư dàn trải, kém hiệu quả. Đồng thời, việc đầu tư kết cấu hạ tầng được gắn với thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, từng bước cải thiện điều kiện sống của người dân nông thôn. Cùng với đó, tỉnh chủ động tiếp nhận, ứng dụng giống mới, quy trình canh tác tiên tiến, cơ giới hóa và các thành tựu khoa học công nghệ phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất KTNN.

Vận dụng kinh nghiệm này trong thời gian tới, Đảng bộ tỉnh cần tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo việc đầu tư đồng bộ cơ sở vật chất - kỹ thuật và hiện đại hóa hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ KTNN, trong đó tập trung vào giao thông nông thôn, thủy lợi, điện, hệ thống kho bãi, bảo quản sau thu hoạch và dịch vụ logistics. Việc đầu tư hạ tầng cần được triển khai theo hướng có trọng tâm, trọng điểm, gắn với quy hoạch vùng sản xuất hàng hóa tập trung, vùng nguyên liệu phục vụ chế biến và xuất khẩu. Triển khai xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu ngành nông nghiệp, cơ sở dữ liệu đất đai, hệ thống thông tin thị trường; ứng dụng trí tuệ nhân tạo, công nghệ số trong quản lý sản xuất, dự báo mùa vụ, giám sát dịch bệnh, truy xuất nguồn gốc và hỗ trợ ra quyết định cho doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác và nông dân. Chỉ đạo triển khai hiệu quả các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã và tổ hợp tác đổi mới công nghệ, ứng dụng các giải pháp số trong quản trị sản xuất, thương mại điện tử, kết nối thị trường và đáp ứng tiêu chuẩn của các thị trường xuất khẩu.

4.2.3. Phát huy vai trò các thành phần kinh tế, đổi mới tổ chức sản xuất và tăng cường liên kết trong nông nghiệp

Trong những năm 2010-2020, Đảng bộ tỉnh đã chú trọng lãnh đạo phát triển các hình thức hợp tác và liên kết sản xuất trong nông nghiệp theo chuỗi giá trị nhằm chuyển đổi phương thức sản xuất từ nhỏ lẻ sang quy mô hàng hóa tập trung, nâng cao giá trị và sức cạnh tranh của nông sản. Đồng thời, tỉnh ban hành cơ chế khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp công nghệ cao, thu hút nhiều dự án lớn trong lĩnh vực giống thủy sản, nuôi trồng và chế biến nông sản. Bên cạnh đó, các hợp tác xã và tổ hợp tác được củng cố và phát triển, trở thành lực lượng quan trọng trong tổ chức sản xuất, thúc đẩy tái cơ cấu KTNN, góp phần xây dựng nông thôn mới và nâng cao đời sống nông dân.

Vận dụng kinh nghiệm này trong thời gian tới, Đảng bộ tỉnh cần triển khai hiệu quả các chủ trương của Trung ương, hoàn thiện cơ chế, chính sách ưu đãi về đất đai, tín dụng và thuế nhằm khuyến khích doanh nghiệp và hợp tác xã đầu tư vào sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản. Đồng thời, cần nâng cao năng lực quản lý của hợp tác xã, đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học công nghệ, truy xuất nguồn gốc và xây dựng thương hiệu sản phẩm. Việc phát triển nguồn nhân lực, tăng cường quản lý nhà nước và thúc đẩy liên kết vùng sẽ góp phần mở rộng chuỗi giá trị nông nghiệp, nâng cao sức cạnh tranh và phát triển KTNN theo hướng bền vững.

4.2.4. Gắn tái cơ cấu nông nghiệp với xây dựng nông thôn mới và nâng cao đời sống nông dân trong phát triển KTNN

Trong những năm 2010-2020, Đảng bộ tỉnh tập trung chỉ đạo xây dựng và hoàn thiện quy hoạch phát triển nông nghiệp, triển khai tái cơ cấu ngành gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Trọng tâm là phát triển các sản phẩm chiến lược như lúa gạo, thủy sản và rau màu, đồng thời điều chỉnh cơ cấu sản xuất nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu và đáp ứng nhu cầu thị trường. Việc tái cơ cấu nông nghiệp đã góp phần nâng cao giá trị sản xuất, cải thiện thu nhập và đời sống của cư dân nông thôn. Đến năm 2020, quy mô GRDP của tỉnh đạt 89.362 tỷ đồng, GRDP bình quân đầu người đạt 46,8 triệu đồng và tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 1,93%. Chương trình xây dựng nông thôn mới đạt nhiều kết quả tích cực với 61/119 xã đạt chuẩn và 3 đơn vị cấp huyện hoàn thành nhiệm vụ, góp phần làm thay đổi diện mạo nông thôn và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

Vận dụng kinh nghiệm này trong thời gian tới, Đảng bộ tỉnh cần tiếp tục chỉ đạo triển khai hiệu quả đề án cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với chương trình xây dựng nông thôn mới trong bối cảnh hoàn thành sáp nhập đơn vị hành chính và tổ chức lại bộ máy quản lý. Trên cơ sở rà soát toàn diện các tiêu chí nông thôn

mới, tỉnh cần xây dựng lộ trình phát triển 2026-2030 theo hướng chuyển đổi từ duy trì sản xuất nông nghiệp truyền thống sang nền KTNN hiện đại dựa trên đổi mới sáng tạo, ứng dụng công nghệ cao và thích ứng với biến đổi khí hậu. Trọng tâm là hoàn thiện quy hoạch ngành gắn với lợi thế sinh thái, thúc đẩy chuyển đổi số trong chuỗi giá trị nông nghiệp, xây dựng thương hiệu nông sản chủ lực và phát triển du lịch nông nghiệp, sinh thái. Đồng thời, cần chú trọng phát triển nguồn nhân lực, tăng cường huy động nguồn lực xã hội và nâng cao hiệu quả quản lý nhằm xây dựng nông thôn mới hiện đại, bền vững và hội nhập.

Tiểu kết chương 4

Những năm 2010-2020, trước bối cảnh quốc tế, khu vực và tình hình kinh tế - xã hội của địa phương, Đảng bộ tỉnh An Giang đã quán triệt sâu sắc các chủ trương của Trung ương về phát triển “nông nghiệp, nông dân, nông thôn”, từ đó xây dựng và ban hành nhiều chủ trương, chính sách phát triển KTNN phù hợp với điều kiện thực tiễn. Trên cơ sở đó, Đảng bộ tỉnh đã chỉ đạo UBND tỉnh cùng các sở, ban, ngành triển khai đồng bộ các nhiệm vụ và giải pháp nhằm khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của địa phương, thúc đẩy phát triển KTNN theo hướng bền vững.

Nhờ sự lãnh đạo và chỉ đạo quyết liệt, KTNN của tỉnh đạt nhiều kết quả quan trọng, chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hóa quy mô lớn, góp phần nâng cao đời sống nhân dân và cải thiện diện mạo nông thôn. Tuy nhiên, quá trình thực hiện vẫn còn một số hạn chế như việc cụ thể hóa chủ trương đôi khi chưa kịp thời, một số chỉ tiêu chưa đạt mục tiêu đề ra. Từ thực tiễn đó, có thể rút ra một số kinh nghiệm quan trọng nhằm tiếp tục hoàn thiện chủ trương và nâng cao hiệu quả lãnh đạo phát triển KTNN của tỉnh trong giai đoạn mới.

KẾT LUẬN

1. KTNN giữ vai trò quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam, đặc biệt trong bối cảnh đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và bảo đảm an ninh lương thực. Sau 40 năm đổi mới, KTNN chuyển dần sang mô hình tăng trưởng dựa trên năng suất, chất lượng và gắn với thị trường.

2. An Giang là tỉnh nông nghiệp tiêu biểu của vùng ĐBSCL và cả nước. Trong những năm 2010-2020, Đảng bộ tỉnh đã vận dụng sáng tạo chủ trương của Trung ương, tập trung chỉ đạo phát triển các vùng sản xuất chuyên canh lúa, cá tra và rau màu; thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu ngành, ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới hình thức tổ chức sản xuất, các mô hình liên kết và chú trọng xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển KTNN và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện, Đảng bộ tỉnh đã tập trung chỉ đạo, phát huy được vai trò, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, các sở, ban, ngành và đặc biệt là sự đoàn kết, tinh thần lao động cần cù, sáng tạo của nông dân để triển khai các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án... Nhờ đó, KTNN của tỉnh An Giang phát triển khá toàn diện, cơ cấu ngành chuyển dịch tích cực, năng suất và giá trị sản xuất tăng lên. Các mô hình cánh đồng lớn, liên kết chuỗi giá trị và nông nghiệp công nghệ cao được triển khai, góp phần cải thiện đời sống nông dân và thay đổi diện mạo nông thôn.

4. Tuy đạt nhiều kết quả, quá trình lãnh đạo phát triển KTNN của Đảng bộ tỉnh An Giang những năm 2010-2020 vẫn tồn tại một số hạn chế như việc cụ thể hóa chủ trương đôi khi chậm, hiệu quả thực hiện chưa đồng đều,... Từ thực tiễn đó, luận án rút ra bốn kinh nghiệm quan trọng: (1) Quán triệt chủ trương của Trung ương, bám sát thực tiễn, vận dụng linh hoạt để đề ra chủ trương phát triển KTNN phù hợp với lợi thế địa phương; (2) Tập trung đầu tư có trọng điểm cơ sở vật chất - kỹ thuật, kết cấu hạ tầng, đồng thời chủ động ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp; (3) Phát huy vai trò các thành phần kinh tế, đổi mới tổ chức sản xuất và tăng cường liên kết trong nông nghiệp; (4) Gắn tái cơ cấu nông nghiệp với xây dựng nông thôn mới và nâng cao đời sống nông dân trong phát triển KTNN.

5. Những kinh nghiệm được rút ra từ quá trình Đảng bộ tỉnh An Giang lãnh đạo phát triển KTNN những năm 2010-2020 là những vấn đề có giá trị tham khảo cần được xem xét trong những điều kiện lịch sử và yêu cầu phát triển mới.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1. Võ Hoàng Đông (2022), “Những chủ trương đột phá trên lĩnh vực nông nghiệp của tỉnh An Giang thời kỳ đầu Đổi Mới (1986-1995)”, *Tạp chí khoa học Đại học Sài Gòn*, số 81, tr.71-79.
2. Võ Hoàng Đông (2023), “Chủ trương và kết quả phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao ở tỉnh An Giang giai đoạn 2012-2020”, *Tạp chí khoa học và công nghệ Đại học Thái Nguyên*, tập 228 (08), tr.118-125.
3. Võ Hoàng Đông (2024), “Phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp ở tỉnh An Giang”, *Tạp chí khoa học và công nghệ Đại học Thái Nguyên*, tập 229 (08), tr.126-133.
4. Võ Hoàng Đông (2024), “Đảng bộ tỉnh An Giang lãnh đạo xây dựng nông thôn mới (2010-2023)”, *Tạp chí Lịch sử Đảng*, số 403 (6/2024), tr.107-112.
5. Võ Hoàng Đông (2024), “Sustainable development of agritourism in building new rural areas in An Giang province”, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế “Proceedings of the international conference sustainable tourism development: Identity, resources international experiences and solutions for Vietnam”*, quyển 2, NXB Lao động, tr.323-337.
6. Võ Hoàng Đông (2025), “Agricultural restructuring associated with new rural development in An Giang province (2015-2020): Policies and results”, *Tạp chí khoa học và công nghệ Đại học Thái Nguyên*, tập 230 (08), tr.274-281.
7. Võ Hoàng Đông (2026), “Đảng bộ tỉnh An Giang lãnh đạo phát triển kinh tế nông nghiệp (2010-2020)”, *Tạp chí Lịch sử Đảng* (bản điện tử), ngày 14-02-2026.